

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN BIÊN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2020/DS-ST**

Ngày: 17-8-2020

*“V/v Tranh chấp hợp đồng  
góp hụi”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Minh Cảnh

2. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Khánh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2020/TLST- DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp về Hợp đồng dân sự góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2020/QĐST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Huệ A, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: ấp KD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ A: Anh Nguyễn Quốc D, sinh năm 1976, đại diện theo giấy ủy quyền ngày 21/02/2020 (có mặt);

HKTT: ấp TH, xã TB, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: ấp KD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

*2. Bị đơn:* - Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1978 (vắng mặt);

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Tên gọi khác: U;

Cùng địa chỉ: ấp KD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong các đơn khởi kiện ngày 31/01/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ A và anh Nguyễn Quốc D người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Huệ A trình bày và yêu cầu như sau:*

Vợ anh là chị Nguyễn Thị Huệ A có tổ chức góp hụi, chị Nguyễn Thị N (U) vợ của anh Nguyễn Văn P tham gia góp 02 dây hụi như sau:

Dây thứ nhất - Ngày 20/10/2017 âl, mở dây hụi loại 2.000.000 đồng, gồm có 34 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, chị Nguyễn Thị N (U) tham gia góp 01 phần, góp hụi sống 07 lần lĩnh, góp hụi chết được 03 lần thì không góp nữa (ngày không góp là 20/02/2019), còn nợ lại 17 lần hụi chết với số tiền 34.000.000 đồng, hụi mãn ngày 20/6/2020 âl. Đến ngày 27/4/2020 âl không góp hụi chết 14 lần với số tiền 28.000.000 đồng.

Dây thứ hai- Ngày 10/9/2018 âl, mở dây hụi loại 2.000.000 đồng, gồm có 31 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 10 hàng tháng, chị Nguyễn Thị N (U) tham gia góp 01 phần, lĩnh hụi lần đầu góp hụi chết được 14 lần thì không góp nữa (ngày không góp là 10/10/2019), còn nợ lại 17 lần hụi chết với số tiền 34.000.000 đồng, hụi mãn ngày 10/3/2021 âl. Đến ngày 27/4/2020 âl không góp hụi chết 07 lần với số tiền 14.000.000 đồng.

Tổng 02 dây hụi nói trên chị Nguyễn Thị N (U) vợ của anh Nguyễn Văn P nợ tiền hụi đến khi mãn hụi là 68.000.000 đồng, tính đến ngày 27/4/2020 âm lịch, chị Nguyễn Thị N (U) vợ của anh Nguyễn Văn P còn nợ tiền hụi chết của chị Huệ A là 42.000.000 đồng. Khi lĩnh hụi chị Nguyễn Thị N (U) có ghi và ký tên vào tờ giao kèo do chị Nguyễn Thị Huệ A làm mẫu sẵn và ghi nội dung, chị Nguyễn Thị N (U) xác định đúng ghi và ký tên. Nay anh đại diện cho chị Huệ A yêu cầu chị Nguyễn Thị N (U) và anh Nguyễn Văn P trả cho chị Huệ A số tiền hụi nợ đến ngày 27/4/2020 âm lịch là 42.000.000 đồng, còn lại số tiền 26.000.000 đồng chưa mở hụi anh rút lại yêu cầu, sau này có tranh chấp yêu cầu giải quyết sau, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác. Số tiền lĩnh hụi chị Nguyễn Thị N (U) và anh Nguyễn Văn P tham gia góp hụi mua sắm tài sản trong gia đình ông Lê Văn T, địa chỉ: ấp KD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang là cha ruột của anh P biết.

*\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2020 và đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 20/4/2020, bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày như sau:*

Trước đây anh biết vợ anh là chị Nguyễn Thị U có chơi hụi với chị Huệ A chân hụi 01 phần 2.000.000 đồng, anh đi biển từ tháng 5/2019 đến nay thì anh không gặp vợ anh nữa nên tiền hụi giữa chị U và chị Huệ A chơi mấy chân, bao nhiêu phần, còn nợ bao nhiêu tiền thì anh không biết rõ. Hiện nay anh không còn liên hệ được với chị U và chị U đi đâu làm gì anh không rõ, anh không biết địa chỉ mới, anh biết phần hụi 2.000.000 đồng thì dùng chi xài trong gia đình. Nay chị Huệ A yêu cầu vợ chồng anh trả tiền hụi còn nợ thì anh yêu cầu Tòa án làm việc trực tiếp với chị U, vì chị U là người trực tiếp chơi nên biết rõ, anh bận công việc gia đình, đi làm khó khăn, anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

*\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2020, người làm chứng ông Lê Văn T trình bày như sau:*

Anh Nguyễn Văn P là con của ông, chị Nguyễn Thị U, tên thường gọi N là con dâu của ông, vợ của anh Nguyễn Văn P. Chị Nguyễn Thị Huệ A và chị Nguyễn Thị U vợ của anh Nguyễn Văn P tham gia góp hụi như thế nào thì ông không có biết, vào khoảng năm 2018 thì chị N bỏ nhà đi, đến cuối năm 2019 thì chị Huệ A đến nhà ông nói con ông là anh Nguyễn Thanh P và con dâu là Nguyễn Thị U có chơi hụi của chị Huệ A còn nợ một số tiền hụi nhưng bao nhiêu thì nay ông không nhớ rõ, chị Huệ A nói tiền hụi chị U mua một số tài sản trong gia đình, cụ thể: Bộ SALON trị giá 20.000.0000 đồng, nhưng thực tế tiền mua bộ SALON là tiền của anh P con ông đi biển có để mua, còn tiền hụi của chị Huệ A thì chị U sử dụng vào mục đích gì ông không biết. Hiện nay anh P đang đi biển, còn chị U đi đâu thì ông không biết, không liên lạc gia đình, ông không biết chị U làm gì và ở đâu.

*\* Bị đơn chị Nguyễn Thị N (U):* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị N (U) và anh P biết để chị N và anh P có ý kiến về việc chị Huệ A yêu cầu chị N và anh P trả số tiền hụi còn nợ nhưng chị N không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

*\* Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Thị Huệ A và sổ hộ khẩu, Đơn xin xác nhận tình trạng nơi cư trú của đương sự ngày 31/01/2020, Giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Quốc D, Giấy ủy quyền ngày 31/01/2020 của Nguyễn Thị Huệ A và Nguyễn

Quốc D, Giấy ủy quyền ngày 21/02/2020 của Nguyễn Thị Huệ A và Nguyễn Quốc D, 02 Danh sách tham gia góp hội ngày 20/10/2017 và ngày 10/9/2018, 02 Tờ giao kèo người làm tờ giao kèo Nguyễn Thị N, 02 Đơn xin xác nhận ngày 04/5/2020, Giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Văn P, Đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 20/4/2020 của anh Nguyễn Văn P, Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ông Lê Văn T ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

*\* Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ A và anh Nguyễn Quốc D người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Huệ A yêu cầu chị Nguyễn Thị N (U) và anh Nguyễn Văn P trả cho chị Nguyễn Thị Huệ A số tiền hội nợ đến ngày 27/4/2020 âm lịch là 42.000.000 đồng, còn lại số tiền 27.000.000 đồng đến nay chưa mở hội anh chị rút lại yêu cầu khởi kiện, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N (U) vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Anh Nguyễn Văn P vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 238, 239 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị N (U) vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, anh Nguyễn Văn P vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huệ A yêu cầu Nguyễn Thị N (U) và anh Nguyễn Văn P trả cho chị Huệ A số tiền hội đến ngày 27/4/2020 âm lịch là 42.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận phù hợp quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần chị Nguyễn Thị Huệ A và anh Nguyễn Quốc D rút lại yêu cầu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ A khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị N (U) và anh Nguyễn Văn P trả tiền hội còn nợ. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp KD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cho nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Nguyễn Thị N (U) và anh Nguyễn Văn P biết và ấn định thời gian để chị N và anh P có ý kiến về việc chị Huệ A khởi kiện đối với chị N và anh P trả tiền hội nhưng chị N không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị N và anh P vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị N và anh P nhưng chị N vẫn cố tình vắng mặt lần thứ hai không có lý do, anh P có đơn xin xét xử vắng mặt. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ A và anh Nguyễn Quốc D người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Huệ A không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh P theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét về hợp đồng góp hội giữa chị Nguyễn Thị Huệ A và chị Nguyễn Thị N (U) xác lập hợp đồng bằng lời nói, hội có lãi và có hoa hồng, khi đó chị Huệ A có lập danh sách những người tham gia góp hội, khi lĩnh hội lập tờ giao kèo theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Nghị định số: 144/2006/NĐ- CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hội, biểu, phường.

Xét khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huệ A yêu cầu chị Nguyễn Thị N (U) và anh Nguyễn Văn P trả số tiền hội nợ đến ngày mãn hội là 69.000.000 đồng, mở hội đến ngày 27/4/2020 âm lịch là 42.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn P biết

trước đây chị Nguyễn Thị N (U) có chơi hụi với chị Huệ A chân hụi 01 phần 2.000.000 đồng thì dùng chi xài trong gia đình, từ tháng 5/2019 đến nay chị N đi đâu làm gì anh không rõ, anh không biết địa chỉ mới; chị Nguyễn Thị N (U) không ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Huệ A. Hội đồng xét xử thấy rằng, ý kiến trình bày và yêu cầu của chị Huệ A, anh D và anh P phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể danh sách góp hụi, các tờ giao kèo hụi (Tờ bóc lứt số 05 đến số 16) xác định được, chị Nguyễn Thị N (U) có tham gia góp hụi do chị Huệ A làm chủ là có thật và thuộc trường hợp một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối mà bên đương sự kia đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, thời gian chị N không tham gia góp hụi từ tháng 5/2019 đến nay phù hợp với số tiền của chị Huệ A khởi kiện yêu cầu chị N và anh P còn nợ đến ngày 27/4/2020 âm lịch là 42.000.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị Huệ A và anh D người đại diện của chị Huệ A, buộc chị Nguyễn Thị N (U) và anh Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Huệ A số tiền hụi nợ đến ngày 27/4/2020 âm lịch là 42.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 29 của Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hụi, biếu, phượng; khoản 2 và khoản 4 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với số tiền hụi từ tháng 5/2020 âm lịch đến khi mãn hụi số tiền là 27.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Huệ A và anh Nguyễn Quốc D rút lại yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần rút yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 238, Điều 241, khoản 2 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 và khoản 4 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Nguyễn Thị N (U) và anh Nguyễn Văn P phải trả cho chị Nguyễn Thị Huệ A số tiền hui nợ đến ngày 27/4/2020 âm lịch là 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử phần chị Nguyễn Thị Huệ A và anh Nguyễn Quốc D người đại diện của chị Huệ A rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hui từ tháng 5/2020 âm lịch đến ngày mãn hui.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị N (U) và anh Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.100.000 đồng (42.000.000 đồng x 5%).

Chị Nguyễn Thị Huệ A không phải chi án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Huệ A tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.725.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008462 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/8/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Sang).

**Trần Văn Thảo**